

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

MSS

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 22 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hữu Tuyền	Chủ tịch
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Trần Hoàng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hùng	Giám đốc
Ông Lý Trường Sơn	Phó Giám đốc
Ông Trần Hoàng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên
Ông Phạm Minh Thuận	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Phạm Mạnh Hùng – Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 02 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100.824.874.418	93.149.030.865
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	39.773.976.093	34.151.894.727
111	1. Tiền		39.773.976.093	34.151.894.727
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	54.600.000.000	54.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		54.600.000.000	54.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.535.999.655	3.412.747.869
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.943.016.993	1.775.665.484
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	321.160.000	153.900.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.271.822.662	1.483.182.385
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.914.898.670	984.388.269
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	788.729.638	687.547.677
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.126.169.032	296.840.592
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		42.638.419.715	44.876.435.591
220	II. Tài sản cố định		42.262.341.413	44.545.357.289
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	41.531.501.799	43.536.659.385
222	- Nguyên giá		195.473.450.931	191.019.878.664
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(153.941.949.132)	(147.483.219.279)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	730.839.614	1.008.697.904
228	- Nguyên giá		4.680.240.250	4.621.407.432
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.949.400.636)	(3.612.709.528)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	376.078.302	331.078.302
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		376.078.302	331.078.302
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		143.463.294.133	138.025.466.456

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		28.060.243.030	25.984.863.637
310	I. Nợ ngắn hạn		28.060.243.030	25.984.863.637
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.361.623.314	3.923.545.361
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	513.501.845	28.472.250
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	150.872.731	268.702.875
314	4. Phải trả người lao động		20.751.291.680	18.120.161.465
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	317.581.320	284.302.120
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	463.063.703	241.848.262
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.346.780.299	1.105.675.157
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.155.528.138	2.012.156.147
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		115.403.051.103	112.040.602.819
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	115.403.051.103	112.040.602.819
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.380.000.000	6.380.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.007.421.729	10.644.973.445
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.600.000.000	1.100.000.000
421b	LNST chưa phân phối năm nay		12.407.421.729	9.544.973.445
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		143.463.294.133	138.025.466.456


 Vũ Thị Loan
 Người lập


 Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng


 Phạm Mạnh Hùng
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	144.774.751.391	135.876.561.357
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.774.751.391	135.876.561.357
11	4. Giá vốn hàng bán	21	118.560.574.709	113.737.432.846
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.214.176.682	22.139.128.511
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.552.637.836	2.580.674.018
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	9.549.542.412	8.920.475.320
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.217.272.106	15.799.327.209
31	11. Thu nhập khác	24	95.638.380	269.176.389
32	12. Chi phí khác	25	424.312.151	662.437.329
40	13. Lợi nhuận khác		(328.673.771)	(393.260.940)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.888.598.335	15.406.066.269
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Công ty		3.056.000.000	3.056.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty		15.832.598.335	12.350.066.269
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	3.425.176.606	2.805.092.824
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.407.421.729	9.544.973.445
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.306	1.005

Vũ Thị Loan
Người lậpThạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởngPhạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

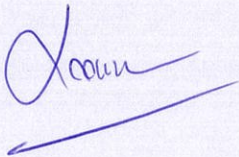
Năm 2025

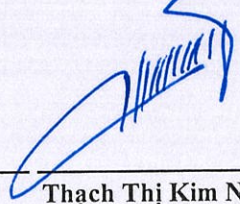
(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.888.598.335	15.406.066.269
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.788.546.252	8.795.125.531
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.548.521.956)	(2.607.155.499)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	406.045.622
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.128.622.631	22.000.081.923
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.805.207.639)	(591.070.344)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(801.601.062)	1.622.070.921
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(101.181.961)	67.071.769
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.807.058.284)	(3.209.945.622)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.251.601.454)	(4.990.517.712)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.361.972.231	14.897.690.935
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.560.201.812)	(5.641.586.248)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		5.555.556	28.556.481
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(30.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	30.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.405.265.249	3.561.016.556
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.149.381.007)	(2.052.013.211)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.590.509.858)	(6.106.904.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.590.509.858)	(6.106.904.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.622.081.366	6.738.773.724

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		34.151.894.727	27.413.121.003
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	39.773.976.093	34.151.894.727


Vũ Thị Loan
Người lập


Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng


Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2025***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 22 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 95.000.000.000 VND; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 349 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 360 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Bến xe Gia Lâm
- Bến xe Mỹ Đình
- Bến xe Giáp Bát

Địa chỉ

- Hà Nội
- Hà Nội
- Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác thực hiện quản lý, khai thác Bến xe Mỹ Đình. Thời gian hợp tác là 5 (năm) năm kể từ ngày 01/04/2025. Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn lợi nhuận tối thiểu. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ Hoạt động kinh doanh thấp hơn khoản lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ Hoạt động kinh doanh nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia như sau: Công ty được hưởng 60% trên Lợi nhuận trước thuế và Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội được hưởng 40% trên Lợi nhuận trước thuế.

Hợp đồng hợp tác giữa Công ty và Công ty Cổ phần phát triển trạm sạc toàn cầu V-Green

Công ty ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần phát triển trạm sạc toàn cầu V-GREEN về việc cùng nhau hợp tác (trên cơ sở không độc quyền) để đầu tư, quản lý, khai thác, kinh doanh dịch vụ Trạm Sạc và các dịch vụ tiện ích khác tại diện tích hợp tác thuộc quyền sử dụng của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại địa chỉ: Bến xe Giáp Bát và Bến xe Gia Lâm. Theo đó, Bến xe Hà Nội cung cấp mặt bằng, hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật cần thiết để V-GREEN thực hiện lắp đặt, kết nối và vận hành trạm sạc. V-GREEN là bên chịu trách nhiệm đầu tư toàn bộ hệ thống thiết bị, vận hành, bảo trì, đảm bảo an toàn và hoạt động ổn định của trạm sạc, đồng thời có trách nhiệm đối soát và chia sẻ doanh thu theo thỏa thuận.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

- Chi phí trả trước của Công ty là công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 01 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác là tiền điện sản xuất được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp chi phí vượt định mức bình thường sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	238.295.500	170.363.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.119.008.793	33.632.679.924
Tiền đang chuyển	416.671.800	348.851.803
	<u><u>39.773.976.093</u></u>	<u><u>34.151.894.727</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với giá trị 54.600.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất 4,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	408.657.000	-	513.775.500	-
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	30.590.000	-	33.635.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	53.055.000	-	58.401.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	120.612.000	-	164.911.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	70.001.000	-	74.160.000	-
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	97.184.000	-	66.764.500	-
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	-	-	10.602.000	-
Trung tâm Tân Đạt	-	-	64.208.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	22.329.000	-	23.184.000	-
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	14.886.000	-	17.910.000	-
Bên khác	1.534.359.993	-	1.261.889.984	-
Công ty Cổ phần Xe khách Bắc Giang	-	-	221.276.000	-
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	433.804.000	-	194.524.000	-
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ Phần Vận Tải Futa - Hà Sơn	278.519.550	-	236.939.684	-
Công ty CP kinh doanh DVVT Hải Âu	-	-	173.940.000	-
Phải thu khách hàng khác	822.036.443	-	435.210.300	-
	1.943.016.993	-	1.775.665.484	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	321.160.000	-	153.900.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ Môi trường Quang Minh	93.000.000	-	93.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	228.160.000	-	60.900.000	-
	<u>321.160.000</u>	<u>-</u>	<u>153.900.000</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.609.810.522	-	1.462.437.935	-
Phải thu về kinh phí công	-	-	662.150	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	8.536.135	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	6.859.133	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	6.207.198	-
Tạm ứng	610.000.000	-	-	-
Phải thu khác	43.476.005	-	7.015.969	-
	<u>2.271.822.662</u>	<u>-</u>	<u>1.483.182.385</u>	<u>-</u>
b) Chi tiết theo đối tượng				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hoàn Kiếm	1.609.810.522	-	1.462.437.935	-
Phạm Mạnh Hùng	50.000.000	-	-	-
Lý Trường Sơn	50.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	562.012.140	-	20.744.450	-
	<u>2.271.822.662</u>	<u>-</u>	<u>1.483.182.385</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	376.078.302	331.078.302
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (i)	196.078.302	196.078.302
- Hoàn thiện hệ thống Phòng cháy chữa cháy bến xe Giáp Bát (ii)	90.000.000	45.000.000
- Hoàn thiện hệ thống Phòng cháy chữa cháy bến xe Mỹ Đình (iii)	90.000.000	90.000.000
	376.078.302	331.078.302

Thông tin bổ sung cho các công trình:

(i): Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Công ty đã nhận được Công văn số 2209 QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án. Đến thời điểm 31/12/2025, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty sẽ triển khai thực hiện trong thời gian thích hợp và phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh.

(ii) Dự án hoàn thiện hệ thống Phòng cháy chữa cháy bến xe Giáp Bát. Tổng mức đầu tư của dự án là 7.334.578.000 VND. Đến thời điểm 31/12/2025 chi phí phát sinh của dự án bao gồm chi phí liên quan đến thiết kế hệ thống Phòng cháy chữa cháy và hiện tại dự án đang được tiếp tục triển khai.

(iii) Dự án hoàn thiện hệ thống Phòng cháy chữa cháy bến xe Mỹ Đình. Tổng mức đầu tư của dự án là 2.246.998.000 VND. Đến thời điểm 31/12/2025 chi phí phát sinh của dự án bao gồm chi phí liên quan đến thiết kế hệ thống Phòng cháy chữa cháy và hiện tại dự án đang được tiếp tục triển khai.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	166.585.985.118		3.133.234.354		7.250.711.154		14.049.948.038		191.019.878.664	
- Mua trong năm	-		66.300.000		890.016.545		1.448.441.674		2.404.758.219	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.819.792.593		-		-		-		2.819.792.593	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(445.524.000)		-		(325.454.545)		(770.978.545)	
Số dư cuối năm	169.405.777.711		2.754.010.354		8.140.727.699		15.172.935.167		195.473.450.931	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	127.563.813.531		1.702.291.027		6.351.541.845		11.865.572.876		147.483.219.279	
- Khấu hao trong năm	5.222.000.565		384.471.139		361.394.189		1.252.171.069		7.220.036.962	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(435.852.564)		-		(325.454.545)		(761.307.109)	
Số dư cuối năm	132.785.814.096		1.650.909.602		6.712.936.034		12.792.289.400		153.941.949.132	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	39.022.171.587		1.430.943.327		899.169.309		2.184.375.162		43.536.659.385	
Tại ngày cuối năm	36.619.963.615		1.103.100.752		1.427.791.665		2.380.645.767		41.531.501.799	

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 92.874.861.923 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.621.407.432	4.621.407.432
- Mua trong năm	290.651.000	290.651.000
- Thanh lý, nhượng bán	(231.818.182)	(231.818.182)
Số dư cuối năm	4.680.240.250	4.680.240.250
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	3.612.709.528	3.612.709.528
- Khấu hao trong năm	568.509.290	568.509.290
- Thanh lý, nhượng bán	(231.818.182)	(231.818.182)
Số dư cuối năm	3.949.400.636	3.949.400.636
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.008.697.904	1.008.697.904
Tại ngày cuối năm	730.839.614	730.839.614
<i>Trong đó:</i>		
Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.037.085.500 VND.		

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	788.729.638	687.547.677
	788.729.638	687.547.677

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG	501.136.340	501.136.340	1.006.063.000	1.006.063.000
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Cường Thịnh Vượng	-	-	614.877.891	614.877.891
Công ty TNHH thương mại xây dựng và dịch vụ Hương Giang	74.217.600	74.217.600	492.883.600	492.883.600
Phải trả nhà cung cấp khác	1.786.269.374	1.786.269.374	1.809.720.870	1.809.720.870
	2.361.623.314	2.361.623.314	3.923.545.361	3.923.545.361

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH Du lịch & Vận tải Văn Anh - Chi nhánh Quảng Ninh	295.226.600	-
- Công ty TNHH Vận tải và thương mại Khiêm Oanh	125.875.300	-
- Đối tượng khác	92.399.945	28.472.250
	<u>513.501.845</u>	<u>28.472.250</u>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	196.840.592	-	7.487.369.779	15.770.079	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	261.630.059	3.807.058.284	-	136.806.665
Thuế Thu nhập cá nhân	-	7.072.816	478.091.766	-	14.066.066
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	100.000.000	-	2.867.031.979	1.110.398.953	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	64.242.769	-	-
	<u>296.840.592</u>	<u>268.702.875</u>	<u>14.709.794.577</u>	<u>1.126.169.032</u>	<u>150.872.731</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền điện	317.581.320	284.302.120
	<u>317.581.320</u>	<u>284.302.120</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	453.997.250	232.737.276
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	9.066.453	9.110.986
	<u>463.063.703</u>	<u>241.848.262</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	911.678.000	730.063.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	434.382.662	374.892.520
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	719.637	719.637
	<u>1.346.780.299</u>	<u>1.105.675.157</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	6.380.000.000	9.635.695.927	111.031.325.301
Lãi trong năm trước	-	-	-	9.544.973.445	9.544.973.445
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(8.535.695.927)	(8.535.695.927)
Số dư cuối năm trước	95.000.000.000	15.629.374	6.380.000.000	10.644.973.445	112.040.602.819
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	6.380.000.000	10.644.973.445	112.040.602.819
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.407.421.729	12.407.421.729
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(9.044.973.445)	(9.044.973.445)
Số dư cuối năm nay	95.000.000.000	15.629.374	6.380.000.000	14.007.421.729	115.403.051.103

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 252 NQ/ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Số tiền

VND

Trích Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban Điều hành

Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)

Lợi nhuận chưa phân phối

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Vốn tài Hà Nội	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000	67,06%
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	15.538.440.000	16,36%	15.538.440.000	16,36%
Các cổ đông khác	15.757.560.000	16,59%	15.757.560.000	16,59%
	95.000.000.000	100%	95.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>95.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>95.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>374.892.520</i>	<i>306.796.520</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>6.650.000.000</i>	<i>6.175.000.000</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	6.650.000.000	6.175.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(6.590.509.858)</i>	<i>(6.106.904.000)</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(6.590.509.858)	(6.106.904.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>434.382.662</i>	<i>374.892.520</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.380.000.000	6.380.000.000
	6.380.000.000	6.380.000.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	453.997.250	232.737.276
	453.997.250	232.737.276

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin về các lô đất thuê như sau:

TT	Vị trí thửa đất	Diện tích (m2)	Thời gian thuê
1	Khu đất tại số 9 Ngõ Gia Khảm, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	11.828,0	Đến năm 2043
2	Khu đất tại số 20 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	18.888,6	Đến năm 2064
3	Khu đất tại Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	36.231,3	Đến năm 2043

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	107.581.938.361	103.157.842.835
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	37.192.813.030	32.718.718.522
	144.774.751.391	135.876.561.357
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	5.932.491.857	6.164.468.309

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp	84.500.574.709	87.387.432.846
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	34.060.000.000	26.350.000.000
	118.560.574.709	113.737.432.846

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.552.637.836	2.580.674.018
	2.552.637.836	2.580.674.018

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	385.390.014	261.482.016
Chi phí nhân công	6.386.386.940	6.371.304.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.354.457.083	1.093.806.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.420.000	263.580.000
Chi phí khác bằng tiền	1.082.888.375	930.302.576
	9.549.542.412	8.920.475.320

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	26.481.481
Tiền phạt thu được	72.000.000	12.000.000
Thu nhập khác	23.638.380	230.694.908
	95.638.380	269.176.389

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.115.880	-
Các khoản truy thu thuế TNDN, GTGT	355.039.502	547.930.219
Các khoản bị phạt	65.156.769	114.507.110
	424.312.151	662.437.329

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.832.598.335	12.350.066.269
Các khoản điều chỉnh tăng	1.293.284.697	1.655.897.852
- Chi phí không hợp lệ	1.293.284.697	1.655.897.852
Thu nhập chịu thuế TNDN	17.125.883.032	14.005.964.121
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	3.900.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.425.176.606	2.805.092.824
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	257.058.284	406.045.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	261.630.059	260.437.235
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.807.058.284)	(3.209.945.622)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	136.806.665	261.630.059

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.407.421.729	9.544.973.445
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.407.421.729	9.544.973.445
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.306	1.005

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.239.722.042	2.210.285.351
Chi phí nhân công	60.629.679.732	57.990.485.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.788.546.252	8.795.125.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.203.360.551	30.215.455.532
Chi phí khác bằng tiền	26.248.808.544	23.446.555.930
	128.110.117.121	122.657.908.166

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.535.680.593	-	-	39.535.680.593
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.214.839.655	-	-	4.214.839.655
Các khoản cho vay	54.600.000.000	-	-	54.600.000.000
	<u>98.350.520.248</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>98.350.520.248</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.981.531.727	-	-	33.981.531.727
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.258.847.869	-	-	3.258.847.869
Các khoản cho vay	54.600.000.000	-	-	54.600.000.000
	<u>91.840.379.596</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>91.840.379.596</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.708.403.613	-	-	3.708.403.613
Chi phí phải trả	317.581.320	-	-	317.581.320
	<u>4.025.984.933</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.025.984.933</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.029.220.518	-	-	5.029.220.518
Chi phí phải trả	284.302.120	-	-	284.302.120
	<u>5.313.522.638</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.313.522.638</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm Tân Đạt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Điều hành xe buýt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	Cổ đông lớn
Ông Vũ Hữu Tuyển	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Ông Lý Trường Sơn	Phó Giám đốc
Ông Trần Hoàng	Thành viên HĐQT
	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên BKS
Ông Phạm Minh Thuận	Thành viên BKS

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	5.932.491.857	6.164.468.309
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	7.666.390	7.729.398
Trung tâm Tân Đạt	613.079.629	625.991.667
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	364.775.924	383.775.928
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	460.787.972	477.880.562
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	640.991.666	665.808.336
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	1.579.579.636	1.841.266.671
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	265.195.834	276.708.332
Trung tâm Điều hành xe buýt	6.877.778	9.037.964
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	840.202.773	885.881.487
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	1.031.509.253	875.912.962
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	121.825.002	114.475.002

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua tài sản cố định, hàng hóa, dịch vụ	332.941.792	95.549.492
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	209.788.926	49.483.000
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	117.592.591	35.740.742
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	5.560.275	10.098.477
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	-	227.273
Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh	3.056.000.000	3.056.000.000
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	3.056.000.000	3.056.000.000
Cổ tức đã chia	5.546.970.800	5.150.758.600
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	4.459.280.000	4.140.760.000
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	1.087.690.800	1.009.998.600

Số dư tại ngày đầu năm và kết thúc năm tài chính:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tạm ứng	150.000.000	-
Lý Trường Sơn	50.000.000	-
Phạm Mạnh Hùng	50.000.000	-
Trần Hoàng	50.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Vũ Hữu Tuyển	111.000.000	95.000.000
Ông Phạm Mạnh Hùng	784.704.000	627.250.000
Ông Nguyễn Công Bằng	-	449.561.600
Ông Lý Trường Sơn	634.614.000	496.050.000
Ông Trần Hoàng	693.816.600	488.250.000
Bà Vũ Thúy Hạnh	85.000.000	74.500.000
Bà Đoàn Kim Anh	284.292.900	293.006.100
Ông Phạm Minh Thuận	378.300.900	302.751.900
Bà Nguyễn Khánh Vân	-	49.537.100

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

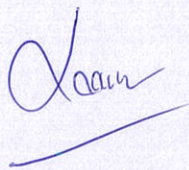
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

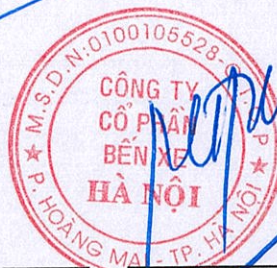
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Loan
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

